

Số: 394/2023/HS-ST

Ngày: 20-9-2023.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc Dương.

2. Bà Nguyễn Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 337/2023/HSST ngày 09/08/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 381/2022/QĐXXST-HS ngày 24/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2023/QĐST-HS ngày 07/9/2023, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Trung H**, tên gọi khác: Không có; sinh năm 1985 tại Thành phố Hà Nội; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số B Ngõ C phố V, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội**; Nơi cư trú: **Lô B Chung cư Đ, Khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**; nghề nghiệp: Nhân viên văn phòng; trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Con ông **Nguyễn Tuấn T**, sinh năm: 1962 (chết) và bà **Trần Thị Thu P**, sinh năm: 1962; Bị cáo có vợ là **Nguyễn Thảo M**, sinh năm 1989, có 01 con sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. **Võ Đan H1**, tên gọi khác: Không có; sinh năm 2000 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 158 **V, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp**; Nơi cư trú: 585/38 **Huỳnh Tấn P1, Tổ C, Khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Võ Chí B**, sinh năm 1975 và bà **Võ Thị Thanh T1**, sinh năm: 1976; Bị cáo chưa có vợ

con;

Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo* **Võ Đan H1**: Luật sư **Đinh Thị Quỳnh N** – Luật sư **Công ty L1** thuộc **Đoàn Luật sư Thành phố H**. (có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án).

* *Bị hại*: Anh **Phạm Thành T2**, sinh năm: 1996.

Nơi cư trú: 134/3/15 **đường M, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cho bản thân, giữa tháng 11/2022, **Nguyễn Trung H** sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook có tên là “**Hồng Đ**” vào nhóm “Hội võ nợ túng quẫn làm liều” đăng bài với nội dung “Tìm người hợp tác làm chuyện phi pháp”, “Tìm người anh em có gan làm liều” và “Tuyển người đòi nợ thuê, công việc cụ thể là bắt cóc lên xe”.

Ngày 30/11/2022, **Võ Đan H1** sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook “**Võ Huy**” tham gia mạng xã hội facebook vào nhóm “Hội võ nợ túng quẫn làm liều” nhắn tin trao đổi số điện thoại cho **H**. Sau đó, **H** gọi điện thoại cho **H1** và nói với **H1** là anh **Phạm Thành T2** là nhân viên **Công ty cổ phần V**, địa chỉ **Tòa nhà S N, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh** đang thiếu nợ tiền chủ của **H** nên nhờ **H1** tìm thêm người để bắt giữ anh **T2**, yêu cầu gia đình của **T2** đưa tiền chuộc người. **H** hứa trả công cho **H1** 20.000.000 đồng, **H1** đồng ý.

H1 sử dụng tài khoản tên “**Võ H1**” tham gia mạng xã hội facebook vào nhóm “Hội võ nợ túng quẫn làm liều” thì thấy tài khoản “**Định Đại Dương**” bình luận nội dung bài viết của **H**, nên **H1** nhắn tin trao đổi với tài khoản “**Định Đại D**” về nội dung đi bắt người thì tài khoản “**Định Đại D**” đồng ý. Đến ngày 05/12/2022, **H, H1, Đ1** (có tài khoản “**Định Đại Dương**”, không rõ lai lịch) cùng 03 nam thanh niên (là bạn của **Đ1**) hẹn gặp nhau tại cuối **đường N, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Tại đây, **H** trao đổi phân công nhiệm vụ cụ thể như sau: **H** đứng bên ngoài để chỉ huy và quan sát chung. **H1** đứng ở trước cửa hầm gửi xe của **Công ty cổ phần V** có nhiệm vụ khi thấy anh **T2** ra khỏi cổng thì gọi điện thông báo cho **H** hoặc nhóm của **Đ1** để nhóm của **Đ1** đứng chờ gần đó bắt anh **T2** đưa lên xe ô tô rồi dùng dây trói tay, trói chân, bịt mắt anh **T2**. Sau khi bắt được anh **T2** lên xe ô tô, **H1** sẽ đi bộ đến lấy xe mô tô của anh **T2** đi gửi. **H** và nhóm của **Đ1** sẽ hẹn gặp nhau cuối **đường N, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh** để giao anh **T2** cho **H**. **H** sẽ trả công cho **H1** 20.000.00 đồng và nhóm của **Đ1** 20.000.000 đồng.

Ngày 08/12/2022, **H, H1** và **Đ1** đi đến trước **nhà A đường M, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh** (gần nhà của anh **T2**) để khảo sát vị trí thực

hiện việc bắt giữ anh T2 tại khu vực gần nhà của T2. Do thấy khu vực này có nhiều camera nên nhóm của H thống nhất vào lúc 18 giờ 30 phút, ngày 14/12/2022 sẽ bắt giữ anh T2 tại khu vực gần Công ty cổ phần V thuộc phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, H1 và Đ1 đồng ý. Sau đó, H đưa cho Đ1 1.000.000 đồng để mua dây trói, băng keo, đồ bịt mắt, chăn dùng để khống chế, bắt giữ anh T2.

Ngày 14/12/2022, H thông qua ứng dụng Zoomcar thuê 01 xe ô tô hiệu Suzuki XL7 (không rõ biển số, chưa rõ chủ sở hữu) điều khiển đến gần Công ty cổ phần V gặp H1, Đ1 và 03 thanh niên (là bạn của Đ1) để thực hiện việc bắt giữ anh T2. Tuy nhiên, H, H1 và nhóm của Đ1 không gặp được anh T2 nên nhóm H đã bỏ về.

Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 15/12/2022, H thông qua ứng dụng Zoomcar thuê 01 xe ô tô hiệu Suzuki Xpander, màu trắng xám, biển số 50E-016.96 của anh Trần Đức T3 điều khiển đến điểm hẹn tại cuối đường N, phường A, thành phố T đợi H1 và nhóm của Đ1. Sau đó, H1 thuê xe mô tô grap công nghệ đến điểm hẹn rồi lên xe ô tô của H đợi nhóm của Đ1. Khoảng 05 phút sau, Đ1 điều khiển xe ô tô màu đỏ (không rõ loại, biển số) chở 03 thanh niên đến điểm hẹn. Tại đây, H và Đ1 đổi xe ô tô cho nhau (H, H1 đi xe ô tô màu đỏ; Đ1 và 03 thanh niên đi xe ô tô hiệu Suzuki Xpander, màu trắng xám, biển số 50E-016.96), Đ1 lấy băng keo màu đen dán chỉnh sửa số xe của xe ô tô hiệu Suzuki Xpander, màu trắng xám, biển số 50E - 016.96 thành biển số 50E-018.98. Đ1 đưa cho H 01 bộ đàm để liên lạc khi thực hiện việc bắt giữ T2 (bộ đàm của Đ1). Sau đó, H và Đ1 điều khiển xe ô tô đến gần Công ty cổ phần V. H đậu xe ô tô tại dưới chân cầu S (cách giao lộ giữa đường D và đường N khoảng 10 m). H1 đi bộ đến đứng trước cửa hầm gửi xe của Công ty cổ phần V (cách vị trí của H khoảng 70 m). Nhóm của Đ1 đậu xe ô tô ở trước nhà số C đường số A, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (cách vị trí của H 200 m). Lúc này, H liên lạc với Đ1 qua bộ đàm nhưng không được (do khoảng cách vị trí của H và nhóm của Đ1 xa) nên H đã đi bộ lên cầu để kiểm tra bộ đàm.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút, cùng ngày, H1 thấy anh T2 điều khiển xe mô tô hiệu AirBlade, biển số 77H1 - 301.45 đi ra khỏi hầm gửi xe của Công ty cổ phần V đi về hướng đường số A phường A, thành phố T nên gọi điện cho Đ1 để thông báo. H1 liền chạy bộ theo sau anh T2 thì thấy 03 thanh niên trong nhóm của Đ1 xuống xe ô tô khống chế, bắt giữ anh T2 đưa lên xe ô tô hiệu Suzuki Xpander, màu trắng xám, biển số 50E - 016.96 tại trước nhà số C đường số A, phường A, thành phố T. Anh T4 sau khi bị bắt lên xe ô tô liền chống cự thì bị các đối tượng chích điện, đe dọa, trói tay bằng dây rút, trói chân bằng dây dù, băng keo bịt đầu, lấy vải trùm đầu và lấy chăn trùm đầu. Lúc này, H1 nhìn thấy có bảo vệ và một số người dân phát hiện việc bắt cóc anh T4 nên H1 thông báo với H. H nói H1 đến lấy xe mô tô của anh T4 đi gửi (như đã bàn bạc ban đầu) nhưng H1 không đồng ý rồi thuê xe mô tô grap tẩu thoát. Lúc này, H điều khiển xe ô tô màu đỏ (xe ô tô nhóm của Đ1) về cuối đường N, phường A, thành phố T để chờ nhóm của Đ1 đổi lại xe ô tô. Khoảng 05 phút sau, Đ1 điều khiển xe ô tô đến, H và Đ1 đang đổi xe ô tô thì phát hiện anh Võ Văn L và Lưu Hoàng Q là bảo vệ đang điều khiển xe

mô tô đang chạy đến nên **Đ1** cùng 03 thanh niên điều khiển xe ô tô màu đỏ bỏ chạy (**H** chưa trả tiền 20.000.000 cho **Đ1**). **H** điều khiển xe ô tô hiệu Suzuki Xpander, màu trắng xám, biển số 50E-016.96 chở anh **T4** đang bị trói tay, trói chân và chùm chắn lên đầu nằm ghế phía sau chạy về hướng **đường M lên Cao tốc L - D**. Do bị trói chặt, anh **T4** kêu đau tay, chảy máu, không thở được. **H** dừng xe ô tô dùng tay mở chèn bịt mắt, nói dây trói tay anh **T4** (loại dây rút bằng nhựa) nhưng dây trói tay bị đứt, nên **H** đã sử dụng dây dù trên xe (nhóm của **Đ1** đã chuẩn bị) trói lại tay anh **T4**. Sau đó, **H** điều khiển xe ô tô đi trên **Cao tốc L - D hướng về tỉnh Đồng Nai**. Anh Tuấn để ý nút thắt và tự cởi trói cho bản thân và nhắn tin gửi định vị cho gia đình và đồng nghiệp đến cứu và hẹn với gia đình là sẽ cố nhảy xuống tại trạm thu phí. Khi **H** điều khiển xe ô tô đến trạm thu phí **đường C - D** thì anh **T4** mở cửa xe ô tô lao ra bên ngoài cầu cứu người đi đường. Thấy vậy, **H** tiếp tục điều khiển xe ô tô bỏ chạy về hướng tỉnh Đồng Nai. Khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, **H** điều khiển xe ô tô về đến **đường X, thuộc thành phố T** thì bị lực lượng giao thông kiểm tra bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T**. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** tiến hành truy xét đưa **Võ Đan H1** về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T**, **Nguyễn Trung H** và **Võ Đan H1** thừa nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

** Vật chứng và đồ vật tài liệu thu giữ:*

- 35.000.000 đồng tiền **Ngân hàng N1** (thu giữ của **H**);
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12, màu xám (thu giữ của **H**);
- 01 (một) xe ô tô hiệu Suzuki Xpander, màu trắng xám, biển số 50E-016.96 và 01 giấy đăng ký xe ô tô trên.

- 01 (một) cuộn băng keo 02 mặt; 01 (một) cuộn băng keo đen; 01 (một) cuộn băng keo vàng; 01 (một) cuộn băng keo trong suốt; 01 (một) cuộn băng keo màu nâu; 06 (sáu) dây rút nhựa đã qua sử dụng; 02 (hai) mũ trùm đầu bằng vải, màu đen; 02 (hai) mũ bằng vải màu xanh đen; 01 (một) áo sơ mi ngắn tay, màu xanh dương; 01 (một) cầu vai màu xanh đen, viền đỏ, hai sọc vàng; 01 (một) chèn màu hồng, kích thước (2,6x1,6) m; 01 (một) đoạn dây dù, màu xám;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng (thu giữ của **H**).
- 01 (một) xe mô tô hiệu AirBlade, màu đen – bạc, biển số 77H1-301.45;
- 01 (một) túi đeo có chữ “Elite Fitness”, màu xám bạc; 01 (một) áo khoác dài tay, màu xanh đen; 01 tai nghe bluetooth màu xanh; 01 kính có gọng trong suốt màu nâu; 01 nón bảo hiểm màu trắng; 01 quần đùi màu đen; 01 áo ba lỗ màu xám; 01 chèn màu hồng.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh của **Võ Đan H1**.

- 01 USB chứa 05 clip liên quan đến vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Anh **Phạm Thành T2** yêu cầu **Nguyễn Trung H** và **Võ Đan H1** bồi thường số tiền 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, các bị cáo đồng ý với các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng và không khiếu nại hay có ý kiến gì khác.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh **T2** yêu cầu các bị cáo **H**, **H1** phải bồi thường 10.000.000 đồng, các bị cáo và gia đình đã bồi thường 10.000.000 đồng cho anh **T2**. Anh **T4** không yêu cầu bồi thường thêm.

Bản Cáo trạng số 324/CT-VKSTPTĐ ngày 07/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố các bị cáo **H**, **H1** về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 169 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội và tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 169; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Trung H**: từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2022.

Xử phạt: Bị cáo **Võ Đan H1** từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo **H**, **H1** đã bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho anh **T4** và anh **T4** không yêu cầu bồi thường thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo **H1** là Luật sư **Đinh Thị Quỳnh N** có ý kiến tranh luận: Luật sư Như thống nhất với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức về hành vi, tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo **H1**. Tuy nhiên, bị cáo **H1** có tham gia nhưng chỉ với vai trò thứ yếu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để có mức án phù hợp với bị cáo **H1**.

Bị cáo **H1** thống nhất với ý kiến tranh luận của Luật sư **N** và không tranh luận gì thêm. Bị cáo **H** không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ân hận về hành vi của mình, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm có cơ hội làm lại cuộc đời, làm người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của bị hại, với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo **Nguyễn Trung H** là người chủ mưu, cầm đầu, do cần tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định bắt cóc anh **Phạm Thành T2** để yêu cầu gia đình anh **T2** đưa tiền chuộc. Bị cáo **H** đã lên kế hoạch, thuê người, phân công nhiệm vụ cho từng đối tượng và cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi bắt cóc anh **T2**.

Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 15/12/2022, tại trước nhà **số C Đường A, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Sau quá trình chuẩn bị và được bị cáo **H1** thông báo, các đối tượng được **H** thuê gồm **Đ1** và 03 đối tượng không rõ lai lịch đã thực hiện hành vi khống chế anh **T2** đưa lên xe ô tô do **H** thuê, dùng dây trói, băng keo, đồ bịt mắt, chặn do **H** đưa tiền cho **Đ1** mua để cột tay, cột chân, bịt miệng, dùng chặn trùm đầu anh **T2**, sau đó mang anh **T2** giao cho **H** để **H** chở anh **T2** bằng xe ô tô ra khỏi địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đến Trạm thu phí **đường C - D, thành phố T** thì anh **Phạm Thành T2** đã lợi dụng sơ hở để nhảy xuống Trạm thu phí.

Bị cáo **Võ Đan H1** là người được bị cáo **H** thuê đi bắt anh **T2**, được **H** hứa hẹn trả tiền công 20.000.000 đồng, với vai trò là người giúp sức cho **H**. **H1** có nhiệm vụ tìm người cho **H** để cùng đi bắt cóc anh **T2** và thông báo cho **H** khi anh **T2** di chuyển từ **Công ty Cổ phần V** ra ngoài và có nhiệm vụ lấy xe mô tô của **H** khi bắt được anh **T2**.

Hành vi của các bị cáo **H**, **H1** đã cấu thành tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 169 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với **Đ1** và các đối tượng không rõ lai lịch, Cơ quan Cảnh sát Điều tra tiếp tục xác minh, truy tìm làm rõ và xử lý sau.

[3] Về tình tiết định khung tăng nặng hình phạt:

Các bị cáo đã có sự cấu kết chặt chẽ trong việc thực hiện hành vi phạm tội, trong đó bị cáo **H** đóng vai trò là người chủ mưu, cầm đầu thuê bị cáo **H1** và những đồng phạm khác, chuẩn bị các công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội và cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, giữa các bị cáo có

sự bàn bạc phân công nhiệm vụ rõ ràng. Bị cáo **H1** là người được bị cáo **H** thuê đi bắt anh **T2**, được **H** hứa hẹn trả tiền công 20.000.000 đồng, có nhiệm vụ tìm người cho **H** để cùng đi bắt cóc anh **T2** và thông báo cho **H** khi anh **T2** di chuyển từ **Công ty Cổ phần V** ra ngoài và có nhiệm vụ lấy xe mô tô của **H** khi bắt được anh **T2**, bị cáo **H1** là người giúp sức cho bị cáo **H**. Do đó, cần áp dụng tình tiết định khung hình phạt “*Có tổ chức*” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 169 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo.

Các bị cáo đã dùng xe ô tô, dây trói, băng keo, đồ bịt mắt, chèn là thủ đoạn nguy hiểm để thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần áp dụng tình tiết định khung hình phạt “*dùng thủ đoạn nguy hiểm*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 169 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo:

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, các bị cáo cùng gia đình đã bồi thường cho bị hại nên được giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, xét các bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, riêng bị cáo **H** có ông nội là người có công với cách mạng nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hình phạt đối với các bị cáo:

Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, xâm phạm đến sức khỏe và tinh thần của bị hại, xâm phạm đến quyền tự do thân thể và quyền sở hữu hợp pháp về tài sản được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân.

Xét thấy vụ án có đồng phạm, giữa các bị cáo đã có sự câu kết chặt chẽ trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo **H** đóng vai trò là người tổ chức, chủ mưu, cầm đầu và cũng là người thực hành trong việc thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo **H1** được bị cáo **H** thuê và được hứa hẹn trả công, có nhiệm vụ tìm người cho **H** để cùng đi bắt cóc anh **T2** và thông báo cho **H** khi anh **T2** di chuyển từ **Công ty Cổ phần V** ra ngoài và có nhiệm vụ lấy xe mô tô của **H** khi bắt được anh **T2**, bị cáo **H1** đóng vai trò là người giúp sức tích cực cho bị cáo **H** trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, lời bào chữa của Luật sư cho rằng bị cáo **H1** có vai trò thứ yếu và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **H1** là không có cơ sở để chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục các bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong toàn xã

hội. Mặt khác, cũng cần xử phạt bị cáo **H** mức án cao hơn bị cáo **H1** thì mới có ý nghĩa trong việc phân loại tội phạm.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 35.000.000 đồng tiền **Ngân hàng N1**; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng (thu giữ của **H**); 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh thu giữ của **Võ Đan H1**. Đây là tiền và công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, sung quỹ nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12, màu xám thu giữ của **H**. Xét không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo **H**.

- 01 (một) xe ô tô hiệu Suzuki Xpander, màu trắng xám, biển số 50E-016.96 và 01 giấy đăng ký xe ô tô trên. Kết quả điều tra do anh **Trần Đức T3** là chủ sở hữu. Anh **T3** không biết **H** sử dụng xe ô tô vào mục đích phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** đã trả lại xe ô tô trên cho anh **T3** là đúng quy định của pháp luật.

- 01 (một) xe mô tô hiệu AirBlade, màu đen – bạc, biển số 77H1-301.45. Kết quả điều tra do anh **Phạm Thành T2** đứng tên chủ sở hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** đã trả cho anh **Phạm Thành T2** là đúng quy định.

- 01 (một) túi đeo có chữ “Elite Fitness”, màu xám bạc; 01 (một) áo khoác dài tay, màu xanh đen; 01 tai nghe bluetooth màu xanh; 01 kính có gọng trong suốt màu nâu; 01 nón bảo hiểm màu trắng; 01 quần đùi màu đen; 01 áo ba lỗ màu xám; 01 chăn màu hồng là tài sản của anh **Phạm Thành T2**. Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** đã trả lại cho anh **T2** là đúng quy định của pháp luật.

- 01 (một) cuộn băng keo 02 mặt; 01 (một) cuộn băng keo đen; 01 (một) cuộn băng keo vàng; 01 (một) cuộn băng keo trong suốt; 01 (một) cuộn băng keo màu nâu; 06 (sáu) dây rút nhựa đã qua sử dụng; 02 (hai) mũ trùm đầu bằng vải, màu đen; 02 (hai) mũ bằng vải màu xanh đen; 01 (một) áo sơ mi ngắn tay, màu xanh dương; 01 (một) cầu vai màu xanh đen, viền đỏ, hai sọc vàng; 01 (một) chăn màu hồng, kích thước (2,6x1,6) m; 01 (một) đoạn dây dù, màu xám. Đây là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- 01 USB chứa 05 clip liên quan đến vụ án. Đây là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại anh **Phạm Thành T2** yêu cầu các bị cáo **H**, **H1** phải bồi thường 10.000.000 đồng, các bị cáo và gia đình đã bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho anh **T2** và anh **T2** không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí:

Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[9] Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a, c khoản 2 Điều 169; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 292; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Trung H**, **Võ Đan H1** phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Điểm a,c khoản 2 Điều 169; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trung H**: 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2022.

Xử phạt bị cáo **Võ Đan H1**: 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2022.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước đối với: 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*) tiền **Ngân hàng N1**; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng (thu giữ của **H**); 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh của **Võ Đan H1**;

- Tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 (một) cuộn băng keo 02 mặt; 01 (một) cuộn băng keo đen; 01 (một) cuộn băng keo vàng; 01 (một) cuộn băng keo trong suốt; 01 (một) cuộn băng keo màu nâu; 06 (sáu) dây rút nhựa đã qua sử dụng; 02 (hai) mũ trùm đầu bằng vải, màu đen; 02 (hai) mũ bằng vải màu xanh đen; 01 (một) áo sơ mi ngắn tay, màu xanh dương; 01 (một) cầu vai màu xanh đen, viền đỏ, hai sọc vàng; 01 (một) chăn màu hồng, kích thước (2,6x1,6) m; 01 (một) đoạn dây dù, màu xám.

- Trả lại cho bị cáo **Nguyễn Trung H**: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12, màu xám;

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 178/QĐ-VKS ngày 21/7/2023 và Biên bản giao nhận tang tài vật ngày 04/8/2023, Giấy nộp tiền mặt ngày 07/8/2023 tại **Ngân hàng TMCP Đ2 – Chi nhánh Đ3**).

4. Về án phí:

Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Trung Thực